TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-ST
Ngày: 31/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Chí Cường;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Phi Hùng;
2. Ông Sơn Mứt;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Hồng Tiếm - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Văn Nhãn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2022/HSST ngày 25/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1994 tại Th, Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp Phú Bình, thị trấn M, huyện Th, tỉnh Hậu Giang. Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nam; Dân tộc : Kinh; Quốc tịch : Việt Nam; Tôn giáo : Không; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị Th; Vợ, con: Không; Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: Vào ngày 30/3/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Th, tỉnh Hậu Giang ra quyết định khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản (xảy ra vào ngày 13/2/2022) để điều tra.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã M từ ngày 08/3/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại**:** **Phan Thanh Nh**, sinh năm 1996. Địa chỉ : ấp Hòa Bình, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

Cao Thị Ph, sinh năm 1996. Địa chỉ **:** ấp Hòa Bình, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+**Phan Văn V**, sinh năm 1965. Địa chỉ : ấp Hòa Bình, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

+**Trần Quốc Tr**, sinh năm 1977. Địa chỉ : khóm Đông Thuận, phường Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

+**Đỗ Thanh T**, sinh năm 1983. Địa chỉ : ấp An Ninh 2, thị trấn A, huyện S, tỉnh Sóc Trăng. Xin vắng

+**Lê Thị Th**, sinh năm 1989. Địa chỉ : ấp Hòa Quới, xã H, huyện S, tỉnh Sóc Trăng. Xin vắng

-Người làm chứng: **Lại Duy C**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 13, khóm Đ, phường Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Nguyễn Văn N là người bị nghiện ma túy. Vào trưa ngày 13/01/2022, N đi xe honda khách từ nhà ở tỉnh Hậu Giang đến khu vực Cầu Dầu (thuộc phường Ph, thị xã M, Vĩnh Long) để mua ma túy sử dụng. Sau đó, N nhờ một người nghiện ma túy ở khu vực Cầu Dầu (không rõ họ, tên và địa chỉ) mua giùm cho N 01 tép ma túy để sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, N đi bộ dọc theo tuyến đường từ Cầu Dầu về hướng phường Đ để đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, N đi bộ đến khu vực thuộc tổ 13, khóm B, phường Đ, thị xã M thì phát hiện chiếc xe mô tô biển số 64H6 - 5518 của anh Phan Thanh Nh đang dựng ở phía trước cửa hàng thiệp cưới Duy Cường chìa khoá xe đang cắm trên ổ khoá nhưng không có người trông coi (trên baga xe có để một cái giỏ xách đựng 01 trái mít). N nảy sinh ý định lấy lấy trộm chiếc xe này để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, sau đó N quan sát xung quanh thấy không có người chú ý nên lén lút đi lại ngồi lên chiếc xe và mở khóa khởi động máy điều khiển chạy đi. Lúc này, anh Nh và vợ là Cao Thị Ph đang ở trong cửa hàng thiệp cưới Duy Cường nhìn ra phát hiện N lấy trộm chiếc xe nên truy hô và chạy bộ đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi lấy trộm được chiếc xe, N điều khiển đem về căn nhà hoang gần nhà của N để cất giấu. Trên đường đi thì N lấy cái giỏ xách (bên trong có đựng trái mít) vứt bỏ. Khi N điều khiển xe 64H6 - 5518 lấy trộm được về đến căn nhà hoang, N mở cóp xe ra kiểm tra thì thấy có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64H6 - 5518 và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phan Văn V nên N cất giữ lại giấy đăng ký xe, còn giấy phép lái xe thì N vứt bỏ. Sau khi cất giấu chiếc xe xong thì N đi về nhà ngủ. Đến khoảng 08 giờ ngày 14/01/2022, N điều khiển xe mô tô biển số 64H6 - 5518 đến tiệm cầm đồ Tuấn Phúc ở ấp An Ninh 2, thị trấn A, huyện S, tỉnh Sóc Trăng cầm chiếc xe cho chị Lê Thị Th và anh Đỗ Thanh T (là chủ tiệm cầm đồ) với giá 4.000.000 đồng. Số tiền này N nhờ người nghiện ma túy (không rõ họ, tên và địa chỉ) mua ma túy giùm cho N sử dụng và N đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 18/01/2022, bị can N tiếp tục qua địa bàn thị xã M để tìm mua ma túy sử dụng. Sau khi N sử dụng ma túy xong, trên đường đi bộ về đến khu vực thuộc khóm B, phường Đ, thị xã M thì N bị lực lượng Công an phường Đ đang trên đường tuần tra phát hiện, nhận thấy N có đặc điểm giống với người đã thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe mô tô 64H6 - 5518 mà Công an đã thu giữ hình ảnh qua camera ghi hình sự việc anh Nh mất trộm xe nên Công an phường Đ tiến hành kiểm tra, làm việc với N. Qua làm việc N khai nhận đã thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 64H6 - 5518 và đem chiếc xe đi cầm tại tiệm cầm đồ Tuấn Phúc (thuộc ấp An Ninh 2, thị trấn A, huyện S, tỉnh Sóc Trăng). Qua lời khai của N, Công an phường Đ kết hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M đến tiệm cầm đồ Tuấn Phúc thu hồi được chiếc xe mô tô biển số 64H6 - 5518.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã M thì chiếc xe mô tô biển số 64H6-5518 của anh Nh bị N lấy trộm có giá trị là 4.500.000 đồng.

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên ngày 11/2/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M đã ra Quyết định khởi tố vụ án. Đến ngày 22/2/2022 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn N về tội trộm cắp tài sản và ra Lệnh bắt N tạm giam để điều tra.

Quá trình điều tra N còn khai nhận ngoài lần phạm tội này N còn thực hiện các hành vi lấy trộm tài sản của người khác như sau: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 17/01/2022, N đi bộ đến khu vực trước cửa nhà của ông Trần Quốc Tr thuộc khóm Đông Thuận, phường Đ, thị xã M lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô biển số 64K2-2693 của ông Tr. Sau đó đem chiếc xe này bán cho người thanh niên mua phế liệu (không rõ họ tên và địa chỉ) với giá 500.000 đồng, số tiền này N mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã M thì chiếc xe mô tô biển số 64K2-2693 của ông Tr bị N lấy trộm có giá trị 1.070.000 đồng. Do tài sản bị xâm phạm chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi vi phạm lần này (ngày 17/01/2022) Cơ quan điều tra đã chuyển Công an thị xã M ra quyết định xử phạt hành chính đối với N xong.

Ngày 13/2/2022 N thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô tại địa bàn thuộc ấp Phú Bình, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hậu Giang nên N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSBM ngày 22/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố Nguyễn Văn N để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015; áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Miễn hình phạt bổ sung do bị cáo không có tài sản.Về trách nhiệm dân sự: đối với xe mô tô biển số 64K2-2693 của ông Tr bị N lấy trộm không thu hồi được nên ông Tr yêu cầu N bồi thường lại số tiền 1.070.000 đồng; đối với anh T và chị Th là người cầm chiếc xe mô tô biển số 64H6-5518 của anh Nh bị mất trộm với giá 4.000.000 đồng, do anh T và chị Th không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên yêu cầu N phải trả lại 4.000.000 đồng cho anh T và chị Th; đối với 01 cái giỏ, 01 trái mít và 01 giấy phép lái xe của ông V bị mất không thu hồi được, ông V không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 64H6-5518 đã trả lại ông Phan Văn V nhận xong; 01 giấy căn cước công dân (bản pho to), 02 giấy bảo hiểm y tế và 01 giấy căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn N không liên quan đến vụ trộm nên trả lại cho N và án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình trở thành người có ích cho xã hội và lo làm kiếm tiền để bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra, sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[2] Tại phiên tòa hôm nay : bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: vào ngày 13/01/2022 bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe mô tô biển số 64H6-5518 của anh Phan Thanh Nh có giá trị 4.500.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm cho người dân không yên tâm trong lao động sản xuất. Bản thân Bị cáo là người có đầy đủ sức khỏe, lẽ ra bị cáo phải kiếm việc làm thu nhập hợp pháp để chăm lo đời sống trong gia đình và phải biết quý trọng thành quả lao động của người khác. Vì vậy, để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời răn đe những hành vi tương tự có thể xảy ra nhằm phòng ngừa chung và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nên cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương ứng với mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục. Do bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:* Về tình tiết tăng nặng: Không. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại chưa lớn

nên cần áp dụng điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*:

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 64K2-2693 của ông Trần Quốc Tr bị N lấy trộm đem bán không thu hồi được nên ông Tr yêu cầu N bồi thường số tiền 1.070.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Tr.

- Đối với anh Đỗ Thanh T và chị Lê Thị Th là người cầm chiếc xe mô tô biển số 64H6-5518 của anh Nh bị N lấy trộm với số tiền 4.000.000 đồng nhưng anh T và chị Th không biết đây là tài sản do N phạm tội mà có, số tiền 4.000.000 đồng N đã tiêu xài hết, anh T và chị Th yêu cầu N trả lại số tiền 4.000.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh T và chị Th.

- Đối với cái giỏ xách bên trong có 01 trái mít và 01 giấy phép lái xe của ông V do Niệm lấy trộm không thu hồi được, ông V không yêu cầu N phải bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về vật chứng*:

Đối với xe mô tô biển số 64H6-5518 của ông Phan Văn V, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông V nhận xong.

Đối với 01 cái bóp, 01 giấy căn cước công dân (bản phô tô mang tên Nguyễn Văn N), 02 giấy bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Văn N và 01 giấy căn cước công dân (mang tên Nguyễn Văn N) nên trả lại cho N (vật chứng Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã M đang tạm giữ theo biên bản giao nhận ngày 30/5/2022).

Đối với 01 đĩa VCD cần lưu vào hồ sơ làm chứng cứ.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 65B1-509.97 mang tên Trần Trọng Kh Cơ quan điều tra đang tạm giữ để xác minh làm rõ.

[7] *Về án phí* : Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với người nghiện ma túy mua ma túy giùm cho N: N không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với người mua chiếc xe mô tô 64K2 - 2693 do N lấy trộm, thì N khai không biết người này ở đâu nên không có cơ sở xác minh để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt: **Nguyễn Văn N** 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" .Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/3/2022. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự 2015

Chấp nhận việc bị cáo đồng ý bồi thường cho anh T và chị Th số tiền 4.000.000 đồng.

Chấp nhận bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Tr số tiền 1.070.000 đồng.

Chấp nhận việc ông V không yêu cầu bị cáo bồi thường 01 cái giỏ xách, 01 trái mít và 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Văn V bị mất.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo N 01 cái bóp, 01 giấy căn cước công dân (bản phô tô mang tên Nguyễn Văn N), 02 giấy bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Văn N và 01 giấy căn cước công dân (mang tên Nguyễn Văn N) nên trả lại cho N (vật chứng Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã M đang tạm giữ theo biên bản giao nhận ngày 30/5/2022).

Lưu vào hồ sơ làm chứng cứ 01 đĩa VCD.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 65B1-509.97 mang tên Trần Trọng Kh Cơ quan điều tra đang tạm giữ để xác minh làm rõ xừ lý sau.

4. *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Chí Cường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND tỉnh VL:01;
- VKSND TXM: 01;
- Chi cục THADS TXM: 01;
- Công an TXM: 01;
- Phòng Hồ sơ CA.T.Vĩnh Long: 01;
- Trại giam CA.T.Vĩnh Long: 01;
- Sở Tư pháp TVL: 01;
- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ: 07;
- Lưu: 04.